

MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHẦM THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA MỸ VÀO VIỆT NAM

TS. VÕ PHƯỚC TẤN & Thạc sĩ ĐỖ HỒNG HIỆP

I. ĐẦU TƯ CỦA MỸ VÀO VIỆT NAM

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hình thức đầu tư quốc tế mà người chủ sở hữu sẽ trực tiếp quản lý và điều hành cùng như sử dụng nguồn vốn đầu tư.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một bộ phận quan trọng trong tổng nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ có vốn FDI mà nhiều nguồn lực trong nước được khai thác và phát huy tác dụng.

Hiện nay, vốn FDI trên toàn thế giới liên tục tăng và đến nay đạt khoảng 3.500 tỷ USD. Dự báo trong thời gian tới, nguồn vốn này sẽ tiếp tục gia tăng bình quân mỗi năm từ 400 - 500 tỷ USD do các công ty đa quốc gia vẫn tăng cường sự bành trướng của họ đến các thị trường mới và việc cơ cấu lại nền kinh tế thế giới theo xu hướng toàn cầu hóa.

Vì vậy, chủ trương của Nhà nước nhằm thu hút vốn FDI là đúng đắn và kịp thời, bổ sung nguồn vốn quan trọng cho đầu tư phát triển. Thực tế hơn 10 năm qua cho thấy việc thu hút và sử dụng vốn FDI đã góp phần quan trọng thực hiện hiệu quả kinh tế - xã hội, không ngừng củng cố và tăng cường sức mạnh và vị thế nước ta trong khu vực và trên thế giới. Các doanh nghiệp có vốn FDI đã trở thành một bộ phận của nền kinh tế, nguồn vốn này tạo ra năng lực sản xuất mới, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu, tạo thế cân đối chung theo hướng CNH - HĐH đất nước (xem biểu số 1).

Biểu số 1: Tình hình thu hút vốn FDI (1988-1999)

Năm	Số dự án (dự án)	Số vốn đăng ký (triệu USD)	Vốn thực hiện (triệu USD)
1995	408	6616	2652
1996	367	8528	2371
1997	336	4453	3250
1998	260	1058	1900
1999	300	4572	3729
88-99	2880	39862	15.524

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Qua số liệu trên cho thấy FDI thật sự giữ một vai trò quan trọng trong tiến trình xây dựng lại nền kinh tế Việt Nam và nó đã vượt qua mức 15 tỷ USD. Nhưng Việt Nam vẫn trông chờ có nhiều nguồn vốn đầu tư từ Mỹ, một nhà đầu tư đầy tiềm năng có thể sẽ thay đổi cục diện và cấu trúc đầu tư nước ngoài hiện nay (xem biểu số 2, 3, 4, 5).

Biểu số 2: Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam (Giai đoạn 1994-6/2000)

Năm	Số dự án (dự án)	Số vốn đăng ký (triệu USD)
1994	12	120
1995	18	391
1996	16	159
1997	12	98
1998	15	306
1999	14	96
6/2000	1	-
94-6/2000	90	1.176

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Biểu số 3: Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam phân theo hình thức đầu tư (Giai đoạn 1994-6.2000)

Hình thức đầu tư	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1. Liên doanh	34	586	50,1
2. 100% vốn nước ngoài	50	587	49,6
3. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)	6	3	0,3
4. Xây dựng, khai thác, chuyển giao (BOT)	0	-	-
Tổng cộng	90	1176	100,0

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Biểu số 4: Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam phân theo lĩnh vực (Giai đoạn 1994-6.2000)

Lĩnh vực	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1. Công nghiệp nặng	8	359	30,3
2. Công nghiệp nhẹ	24	336	28,4
3. Văn hóa, y tế, giáo dục, CNTT	18	116	9,8
4. Du lịch, khách sạn	4	102	8,6
5. Xây dựng	7	87	7,3
6. Nông lâm nghiệp	9	72	6,6
7. Vận tải, Bưu điện	4	40	3,4
8. Dịch vụ	10	37	3,1
9. Dầu khí	4	19	1,6
10. Chế biến hải sản	2	4	0,4
Tổng cộng	90	1176	100,0

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Biểu số 5: Đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam phân theo địa phương (giai đoạn 1994-6.200)

Địa phương	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1. TP. Hồ Chí Minh	27	351	29,7
2. Đồng Nai	8	251	21,2
3. TP Hà Nội	21	196	16,6
4. Hải Dương	1	103	8,7
5. Bà Rịa Vũng Tàu	5	100	8,5
6. Bình Dương	10	51	4,3
7. Đà Nẵng	2	35	3,0
8. Hà Tây	1	20	1,7
9. Đắk Lắk	2	12	1,0
10. Quảng Nam	1	11	0,9
11. Địa phương khác	12	47	4,4
Tổng cộng	90	1176	100,0

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Hiện nay, Mỹ đứng hàng thứ 9 trong số 10 nước đầu tư lớn nhất vào Việt Nam với tổng giá trị là 1.176 triệu USD. Dự tính năm 2001, doanh số đầu tư vào Việt Nam sẽ tăng 30%

Một sự kiện quan trọng nhất trong quan hệ thương mại giữa Việt Nam và Mỹ kể từ khi hai nước bình thường hóa quan hệ, đó là Hiệp định thương mại đã được Chính phủ hai nước ký kết ngày 13.7.2000 tại Washington sau 4 năm đàm phán. Theo đó khi Hiệp định được Quốc hội hai nước phê chuẩn (dự kiến vào giữa tháng 6.2001) hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Mỹ, thị trường lớn nhất thế giới, sẽ được hưởng thuế suất theo diện có quan hệ thương mại bình thường (NTR - Normal Trade Relations) lúc đó kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào Mỹ có thể lên đến 800 triệu USD (2001), sau đó vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tới năm 2005 kim ngạch xuất khẩu có thể lên đến 2,8 - 3 tỷ USD. Với hiệp định này, Việt Nam sẽ có điều kiện đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế thông qua quan hệ thương mại với Mỹ. Và từ đó, Việt Nam có thể đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, tiến tới gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO - World Trade Organization).

Hơn nữa, vào ngày 1.6.2001 chính quyền của Tổng thống Bush cũng đã quyết định gia hạn thêm một năm tiếp tục miễn áp dụng điều luật bổ sung Jackson/Vanik đối với Việt Nam. Việc miễn áp dụng điều luật này sẽ cho phép các công ty Mỹ (hiện có trên 500 công ty Mỹ quan hệ thương mại với Việt Nam) tiếp tục nhận được các khoản vay của Ngân Hàng Xuất Nhập Khẩu Mỹ và những khoản viện trợ khác cho hoạt động đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM NHẦM CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA MỸ VÀO VIỆT NAM

Các chuyên gia kinh tế, các nhà doanh nghiệp đều có chung nhận định: Mỹ đang trở thành một đối tác kinh tế, thương mại quan trọng của Việt Nam. Chính vì vậy, đặt vấn đề hoàn chỉnh luật đầu tư nước ngoài và nhanh chóng tạo môi trường đầu tư thông thoáng hơn nhằm thu hút ngày càng nhiều các nhà đầu tư của Mỹ vào Việt Nam là có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Cụ thể, cần chú ý tập trung giải quyết các vấn đề sau:

1. Cộng đồng các doanh nghiệp Mỹ rất lạc quan và tin tưởng Hiệp định Thương mại song phương sẽ mở đường cho việc mở cửa thị trường Việt Nam theo cách thức sâu rộng chưa từng có. Đó là thị trường của 80 triệu dân với nguồn lao động dồi dào, chăm chỉ, lành nghề, đang cần việc làm, một lợi thế cạnh tranh trong SXKD, một cơ hội to lớn cho các nhà đầu tư Mỹ khai thác sử dụng thế mạnh

của lao động Việt Nam, và từng bước thay thế lao động người nước ngoài.

2. Có thể nói rằng giữa đầu tư nước ngoài và tăng trưởng kinh tế có sự tác động qua lại với nhau. Đầu tư nước ngoài góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhưng các nhà đầu tư chỉ sẵn sàng đầu tư khi biết chắc chắn và triển vọng kinh tế sáng sủa với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định trong tương lai. Vì vậy, bước đi thích hợp hiện nay là không ngừng phát huy nội lực, xem đó là nhân tố quyết định đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đồng thời là biện pháp tích cực để tạo ra sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trực tiếp Mỹ.

3. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng không bắt kịp với tốc độ tăng trưởng kinh tế xã hội. Các dịch vụ cơ sở hạ tầng như viễn thông, giao thông, điện, nước, xử lý nước thải ngày càng trở nên quá tải và kém xa so với các nước trong khu vực. Do vậy, Nhà nước cần hoạch định kế hoạch đầu tư, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng (dài hạn, trung hạn và ngắn hạn) trong nước ngang tầm với các nước trong khu vực. Tổ chức thực hiện tốt các dịch vụ cho nhà đầu tư như tư vấn đầu tư, tư vấn pháp luật, tư vấn và thiết kế xây dựng, thiết kế trên mạng internet... và về lâu dài nên mạnh dạn thực hiện cơ chế chính sách một giá đối với các nhà đầu tư Mỹ.

4. Nhằm hạn chế tối đa các chi phí phát sinh do chậm trễ về thủ tục, các chi phí trung gian trong việc thành lập doanh nghiệp đầu tư, Nhà nước cần cải cách triệt để và đồng bộ hệ thống quản lý hành chính về các mặt thủ tục, thủ chế, thủ chức và con người theo xu hướng tinh giảm gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, chất lượng phục vụ được nâng cao và được các nhà đầu tư xác nhận. Bên cạnh hiệu quả công việc, Nhà nước cũng cần có chính sách đãi ngộ vật chất công viên chức bằng chế độ tiền lương, tiền thưởng hợp lý hơn.

5. Nhà nước hoặc Ban quản lý các KCX và KCN cần nhanh chóng hình thành các trung tâm bồi dưỡng và đào tạo nhân lực tại chỗ nhằm đáp ứng kịp thời cho nhu cầu lao động của các doanh nghiệp có vốn FDI như: lực lượng công nhân kỹ thuật, kỹ sư thực hành và các cán bộ có trình độ quản lý tham gia điều hành liên doanh và các cán bộ này phải có năng lực chuyên môn, có tài quản lý và có tinh thần trách nhiệm góp phần làm cho các liên doanh hoạt động hiệu quả và phải phát huy được vai trò đại diện chủ sở hữu Nhà nước trong liên doanh với Mỹ.

6. Ở Việt Nam các nhà đầu tư thường gặp khó khăn trong việc xác định các luật lệ, chi phí các giao dịch kinh tế và không biết được các thông tin liên quan đến các đối tác để bảo vệ quyền lợi của mình. Do vậy Nhà nước cần xúc tiến việc thể chế hóa việc công bố thông tin về luật pháp, thông tin về chính sách của Chính phủ, về tình hình kinh tế vĩ mô.

7. Mặt khác, để hạn chế được các hành vi vụ lợi, sách nhiễu, tiêu cực, từ đó giúp tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng bình đẳng. Nhà nước cần đảm bảo tính rõ ràng, chính xác của hệ thống luật pháp; ban hành nhanh chóng các văn bản dưới luật, hướng dẫn luật một cách rõ ràng và nhất quán.

8. Đặc biệt, trong thời đại thông tin và toàn cầu hóa, các công ty đa quốc gia ngày càng có nhiều cơ hội đầu tư khắp thế giới, trong điều kiện đó, các nước châu Á đang phải cạnh tranh với nhau để thu hút vốn FDI trong các ngành công nghiệp phát triển. Vì vậy, Việt Nam nên tổ chức làm marketing thông qua cuộc hội thảo hoặc diễn đàn đầu tư với chủ đề "Việt Nam điểm đến của nhà đầu tư" tại các tiểu bang ở Mỹ và thường xuyên quảng bá các cơ hội đầu tư tại Việt Nam với môi trường đầu tư hấp dẫn và hiệu quả.

Tóm lại, vấn đề ưu tiên hàng đầu là thu hút ngày càng nhiều các Công ty Mỹ đến làm ăn bình đẳng tại Việt Nam, và đây cũng chính là mục tiêu chiến lược để rút ngắn con đường CNH - HĐH đất nước ■